TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN THỜI

**ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT (NĂM HỌC 2015-2016)**

**MÔN: ĐỊA LÍ – LỚP 12**

**Câu 1:** Cho bảng số liệu sau:

**Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế (**Đơn vị %)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần kinh tế** | **Năm 1999** | **Năm 2008** |
| Nhà nước | 39,9 | 18,5 |
| Ngoài nhà nước | 22,0 | 37,1 |
| Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài | 38,1 | 44,4 |

a. Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 1999 và năm 2008 ***(2,0 điểm)***

b. Nêu nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 1999 và năm 2008 ***(1,0 điểm)***

**Câu 2:** Trình bày đặc điểm chung của địa hình nước ta? ***(2,0 điểm)***

**Câu 3:** Nêu những thế mạnh và hạn chế của thiên nhiên khu vực đồng bằng đối với sựphát triển kinh tế xã hội ở nước ta. ***(2,0 điểm)***

**Câu 4:** Dựa vào Át lát địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy :

* Trình bày đặc điểm vùng núi Đông Bắc? ***(1,0 điểm)***
	+ Kể tên các mỏ dầu đang khai thác ở bể Cửu Long ?***(1,0 điểm).***

-Nêu phạm vi và ý nghĩa của lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế nước ta ***?(1,0 điểm)***

**Học sinh được sử dụng Atlát địa lí Việt Nam**

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN ĐỊA LÍ – LỚP 12**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu |  | Nội dung | Điểm |
| 1 | **a.** Vẽ 2 biểu đồ hình tròn bán kính năm biểu đồ năm 1999 < năm 2008. | 2,0 |
|  | (*thiếu chú thích, tên, số liệu, năm*…-**0,25 đ/ý**) |  |
|  | **b.** Nhận xét: |  |
|  | - Từ năm 1999-2008, giá trị sản xuất công nghiệp của thành phần kinh |  |
|  | tế của nước ta có sự thay đổi và chuyển biến theo hướng tích cực: |  |
|  | - | Tỉ trọng thành phần kinh tế nhà nước có xu hướng giảm dần (giảm |  |
|  | 21,4%) |  |
|  | - | Tỉ trọng thành phần kinh tế ngoài nhà nước tăng mạnh năm 1999 | Mỗi ý |
|  | (tăng 15,1%). | 0,25 |
|  | - Kế tiếp tỉ trọng thành phần kinh tế khu vực có vốn đầu tư nước ngoài |  |
|  | tăng chậm (tăng 6,3%). |  |
| 2 | **Đặc điểm chung của địa hình nước ta** |  |
|  | \*ĐH đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp | 0,25 |
|  | + Địa hình cao dưới 1000m chiếm 85%, núi cao chỉ có 1%. | 0,25 |
|  | +Đồng bằng chỉ chiếm 1/4 diện tích-đồi núi 3/4 diện tích. | 0,25 |
|  | \* Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng |  |
|  | - Địa bình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam | 0,25 |
|  | - Cấu trúc địa hình gồm 2 hướng chính: |  |
|  | + Hướng TB - ĐN: vùng Tây Bắc và Trường Sơn Bắc | 0,25 |
|  | + Hướng vòng cung: Vùng núi đông bắc và Trường Sơn Nam | 0,25 |
|  | \* Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa | 0,25 |
|  | \*Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người | 0,25 |
| 3 |  | ***Những thế mạnh và hạn chế của thiên nhiên khu vực đồng*** |  |
|  | ***bằng đối với sự phát triển kinh tế xã hội ở nước ta.*** |  |
|  |  | *\* Thế mạnh:* |  |
|  | - Thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới đa dạng, với nhiều |  |
|  | loại nông sản có giá trị xuất khẩu cao. | 0,5 |
|  | - | Cung cấp các nguồn lợi thiên nhiên khác như: thuỷ sản, khoáng sản, |  |
|  | lâm sản. | 0,5 |
|  | - | Thuận lợi cho phát triển nơi cư trú của dân cư, phát triển các thành |  |
|  | phố, khu công nghiệp… | 0,25 |
|  | - Phát triển GTVT đường bộ, đường sông. |  |
|  |  | *\* Hạn chế:* | 0,25 |
|  | Bão, lũ lụt, hạn hán… thường xảy ra, gây thiệt hại lớn về người và tài |  |
|  | sản. | 0,5 |
| 4 | ***Trình bày đặc điểm của vùng núi Đông Bắc:*** |  |
|  | - Giới hạn: Nằm phía Đông thung lũng sông Hồng, | 0,25 |
|  | - Địa hình: chủ yếu là đồi núi thấp. | 0,25 |
|  | - Hướng núi: vòng cung (4 cánh cung lớn mở rộng về phía bắc và đông |  |
|  | chụm lại ở Tam Đảo) | 0,25 |
|  | - Hướng nghiêng: Tây Bắc- Đông Nam | 0,25 |
|  | **Kể tên các mỏ dầu đang khai thác ở bể Cửu Long:** |  |
|  |  | *Hồng Ngọc, Rồng, Bạch Hổ, Rạng Đông* | 1,0 |
|  | **Nêu phạm vi và ý nghĩa của lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế** |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Lãnh hải**: |  |
|  | -Phạm vi: từ đường cơ sở ra 12 hải lí. | 0,25 |
|  | Ý nghĩa: là vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển, ranh giới của |  |
|  | lãnh hải chính là đường biên giới quốc gia trên biển. | 0,25 |
|  | -**Vùng đặc quyền kinh tế**: |  |
|  | -Phạm vi: là vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở. | 0,25 |
|  | -Ý nghĩa: Ở vùng này nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế… | 0,25 |